

Bản án số: **199/2025/HC-ST**

Ngày: 22/5/2025

*V/v: Khiếu kiện Quyết định
hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mai Hồng

Bà Bùi Thị Thu Giang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Chữ Thị Bích Lệ - Thẩm tra viên chính
Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Kim Thanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 và 22 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân
thành phố H đã tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số
315/TLST-HC ngày 29/10/2019 về việc khiếu kiện đối với các Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-HC ngày
04/4/2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1949. Địa chỉ: Số 4, ngõ
326 phố N, quận T, Thành phố H

Người bị kiện:

- **Chủ tịch UBND thành phố H.** Trụ sở: Số 79A phố Đ, quận H, thành phố
H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ, chức vụ: Phó Chủ
tịch UBND thành phố H.

- **Chủ tịch và UBND huyện T.** Trụ sở: Thị trấn L, huyện T, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đức N, chức vụ: Chủ tịch UBND
huyện T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố H. Trụ sở: Xã T, huyện T, thành phố H

- Bà Hy Thị N, sinh năm 1944. Địa chỉ: Số 51 Nguyễn Quý Đức, phường T, quận X, thành phố H.

- Ông Nguyễn Văn C. Địa chỉ: Thôn 8 xã T, huyện T, thành phố H.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc H.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã T, bà Hy Thị N, ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Diện tích đất liên quan đến việc Nguyễn Khắc H khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc khu vực kinh tế mới “Gò M” có nguồn gốc: Nằm trong Khu đất thực hiện dự án 200ha khu CNC H thuộc diện tích đất trường bắn Bộ Quốc phòng trả lại địa phương quản lý từ năm 1989 (hiện không có các tài liệu, hồ bàn giao). Ngày 28/01/1992, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 20-QĐ/UB quy định một số chính sách khuyến khích khai hoang mở rộng diện tích trồng chè. Năm 1993-1994, dựa theo tinh thần Quyết định số 20/QĐ-UB, UBND xã T tiến hành giao đất sản xuất cho các hộ dân tại “Gò M”. UBND xã T giao đất cho các hộ, gia đình sử dụng, trong đó có hộ ông Bùi Văn T, được giao diện tích 3.000m² tại Biên bản giao đất ngày 10/4/1994.

Ngày 15/11/1994, ông Bùi Văn T chuyển nhượng đất cho bà Hy Thị N được UBND xã T xác nhận việc chuyển nhượng ngày 15/11/1994. Do UBND xã xác nhận việc chuyển nhượng đất không lưu trữ lại, không thống kê nên không có bất cứ tài liệu nào liên quan đến việc chuyển nhượng giữa ông T và bà N tại UBND xã. Ngày 29/8/1994 thành lập xã T, UBND xã T đã bàn giao phần diện tích được điều chỉnh địa giới, trong đó có khu vực “Gò M”. Tuy nhiên, đến ngày 01/12/1994 mới bàn giao danh sách hộ đất, đất đai cho xã T, trong danh sách bàn giao không có tên hộ ông Bùi Văn T. Trong quá trình sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân không có tranh chấp, khiếu kiện.

Thực hiện Quyết định số 464/QĐ-TTg ngày 03/5/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thu hồi 200ha đất thuộc địa bàn các xã T, X, H, B, huyện T để giao Ban QL khu CNC H quản lý; thực hiện Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 09/4/2002 của UBND tỉnh H về việc thu hồi 200ha đất thuộc địa bàn các xã T, T, H, B, huyện T, để giao Ban quản lý khu công nghệ cao H.

Ngày 27/12/2002, UBND tỉnh H ra Quyết định số 1777/QĐ-UB phê duyệt tiền đền bù về đất và cây cối hoa màu. Toàn bộ diện tích của dự án 200ha đã được UBND tỉnh H phê duyệt không có hộ ông Nguyễn Khắc H. Vị trí thửa đất 3.000m² của ông H kiến nghị thì đã được kiểm đếm, thống kê ngày 16/7/2002 tại Biên bản số 07/BBKĐ có diện tích 10.354m²; Biên bản số 15/BBKĐ diện tích là 8.305m² thuộc tờ/ thửa/diện tích (2/4/7425 + 2/15/2493 + 3/2b/5678 + 3/16/3063) do không xác định được chủ sử

dụng đất nên tổ công tác kiểm đếm vắng mặt người đứng tên trong Biên bản kiểm đếm là ông Nguyễn Văn C là người trồng cây sắn trên đất. Ông C được phê duyệt tiền cây là 18.659.000đ, đối với số tiền đền bù về đất do không xác định được người sử dụng đất hợp pháp nên Hội đồng đền bù GPMB dự án vẫn tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện T từ đó đến nay.

Ngày 09/7/2007, ông H có liên hệ để nhận tiền bồi thường theo dự án theo giấy ủy quyền của bà Hy Thị N, sau khi kiểm tra giấy tờ, bộ phận kế toán chuẩn bị cho trả cho ông H nhưng ông H không nhận vì cho rằng diện tích đất không đúng giữa bản đồ thu hồi và diện tích ghi trong giấy chuyển nhượng, giá bồi thường thấp, không đúng loại đất ở, đề nghị được cấp đất tái định cư. Ngày 26/2/2011, ông H nộp giấy ủy quyền của bà N. Sau khi làm việc với ông H, Hội đồng GPMB huyện T đề nghị ông H nhận tiền đền bù với tư cách là người nhận ủy quyền nhưng ông H không nhận. Năm 2012, ông H có đơn khiếu nại gửi UBND huyện T về việc không được bồi thường thỏa đáng 3.000m² do nhận chuyển nhượng tại thôn 8, xã T tại dự án 200ha khu công nghệ cao H, gồm: Lập phương án đền bù thiếu diện tích 1.576m²/3.000m² đất của ông H do nhận chuyển nhượng; lập phương án đền bù sai loại đất ở sang đất nông nghiệp diện tích là 1.424m²; đền bù cho Ông C 16.000.000đ tiền cây hao màu trên đất của ông H; Ủy ban huyện chưa thực hiện đền bù cho ông H đã bàn giao đất cho dự án làm đường và dự án tàu thủy Vinashin. Ông H đề nghị bồi thường theo khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 27/11/2015, UBND huyện T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần một cho rằng khiếu nại của ông H là khiếu nại sai. Ông H không đồng ý và khiếu nại tiếp lên Chủ tịch UBND thành phố H.

UBND thành phố giao Thanh tra Thành phố xác minh nội dung khiếu nại của ông H. Tại Báo cáo số 2431/BC-TTTP-P6 ngày 18/8/2016 của Thanh tra Thành phố có nêu: theo báo cáo của UBND huyện, Hội đồng GPMB đã thông báo nhiều lần trên các phương tiện thông tin để các hộ dân có đất bị thu hồi phối hợp kê khai, kiểm đếm (UBND Huyện không cung cấp được hồ sơ liên quan đến việc thông báo). Tuy nhiên, tại khu đất có diện tích 18.659m² thuộc khu vực thôn 8 xã T gồm các thửa đất số 14, 15, 16, 2b tờ bản đồ số 03, bản đồ thu hồi đất khu công nghệ cao H do vẽ năm 1998, không có chủ sử dụng đất đến kê khai phối hợp kiểm đếm (trong đó có diện tích 3.000m² đất ông H khiếu nại); Hội đồng chỉ xác định được Ông C ở thôn 7 xã T kê khai trồng sắn trên diện tích đất này (không có bản tự kê khai của Ông C). Hội đồng GPMB đã lập 02 Biên bản kiểm kê diện tích đất, hoa màu, nhà, vật kiến trúc đứng tên Ông C là người trồng cây hoa màu trên đất: biên bản số 07 ngày 16/7/2002 mục chủ hộ ghi vắng mặt; người trồng cây là ông Nguyễn Văn C; diện tích thu hồi 10.354m², đất nông nghiệp hạng 2, diện tích trồng sắn 10.354m², không có công trình trên đất. Ngày 29/9/2002, Hội đồng GPMB có Biên bản số 15 áp giá đền bù, hỗ trợ số 15, 23... Tổng số tiền theo 02 biên bản áp giá là 192.045.950đ, trong đó: tiền đất là 175.386.950đ, tiền cây hoa màu là 18.659.000đ. Đã chi trả cho Ông C tiền cây hoa màu 18.659.000đ, số tiền còn lại là 175.386.950đ, Hội đồng GPMB gửi vào tài khoản

của Hội đồng tại Kho bạc nhà nước huyện T chờ xử lý... Thanh tra Thành phố thống nhất với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện T và cho rằng nội dung khiếu nại của ông H là sai. Tuy nhiên, tại Báo cáo đã kiến nghị UBND Thành phố: ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông H theo quy định của Luật khiếu nại. Giao Chủ tịch UBND huyện T: Chỉ đạo các phòng ban chuyên môn, UBND xã T, kiểm tra, xác minh, xác nhận nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng và chủ sử dụng thửa đất nêu trên, làm thủ tục bồi thường, hỗ trợ về đất theo quy định.

Tại Báo cáo số 4853/TTTP-P6 ngày 29/12/2017 của Thanh tra Thành phố về việc thực hiện Văn bản số 9358/VP-ĐT ngày 05/10/2017 của UBND Thành phố có nội dung: Khiếu nại của ông H đã được Chủ tịch UBND huyện T xem xét trả lời theo thẩm quyền. Tuy nhiên, đối với phần diện tích 3.000m² đất ông H nêu trong đơn chưa được Chủ tịch UBND huyện T làm rõ chủ sử dụng để thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 1371/VP-BTCD ngày 20/02/2017. (Hiện nay khoản tiền bồi thường hỗ trợ về đất đối với phần diện tích nêu trên vẫn đang được tạm giữ tại Kho bạc nhà nước huyện T). Thanh tra Thành phố đề nghị UBND Thành phố có văn bản chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện T xác định rõ chủ sử dụng đối với phần diện tích nêu trên để thực hiện thủ tục kiểm tra, xác minh, xác nhận nguồn gốc, quá trình quản lý sử dụng và chủ sử dụng thửa đất nêu trên, làm thủ tục bồi thường, hỗ trợ theo chỉ đạo của UBND Thành phố tại Văn bản số 1371/VP-BTCD ngày 20/02/2017.

Ngày 23/10/2018, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của UBND huyện T.

Người khởi kiện, ông Nguyễn Khắc H trình bày :

Về nguồn gốc đất: Ngày 10/4/1994, bà Hy Thị N nhận chuyển nhượng 3000m² đất tại T, Thạch Thất (có biên bản giao đất làm nhà và sản xuất, có tờ khai nộp lệ phí trước bạ và biên lai nộp phí kèm theo, biên lai nộp thuế sử dụng đất 8 năm từ 1995 – 2002).

Ngày 11/12/1997, ông nhận chuyển nhượng 3000m² từ bà Hy Thị N với giá 75.000.000đồng (bà N đứng tên giúp ông Trần Hữu C là giảng viên trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn). Sau khi ông thanh toán đầy đủ, bà Hy Thị N đã giao lại toàn bộ hồ sơ, giấy tờ gốc của thửa đất và quyền sử dụng đất cho ông. Ông C hứa làm thủ tục sang tên cho ông sau nhưng tháng 5 năm 2002, thửa đất trên nằm trong quy hoạch khu công nghệ cao H do đó không thể đổi tên chủ sử dụng hợp pháp cho ông. Để đảm bảo quyền lợi và ích chính đáng, bà N đã làm ủy quyền công chứng cho ông được toàn quyền sử dụng đất hợp pháp và từ đó ông là chủ sử dụng duy nhất phần diện tích đất này và cũng như các hộ liền kề khác nhờ ông Nguyễn Văn C là người địa phương trông coi, canh tác.

Ngày 13/03/2003, ông H thực hiện việc nộp thuế sử dụng đất 8 năm liền (từ năm 1995 đến năm 2002) cho ông Nguyễn Xuân L – Trưởng thôn xã T với số tiền 1.080.000 đồng và 01 bộ hồ sơ thửa đất để giải quyết quyền lợi khi thu hồi đất. Sau đó, ông H dẫn ông đến trụ sở UBND xã T để làm việc với chính quyền thì được ông L cho biết là đất của ông sẽ được thu hồi. Khi nào thu hồi sẽ thông báo sau. Từ đó đến năm 2007, ông H không nhận được bất kỳ thông báo nào của chính quyền địa phương.

Ngày 09/07/2007, ông H nộp hồ sơ thửa đất lần 2 tại Phòng tài chính kế toán huyện T (có giấy biên nhận).

Ngày 21/9/2007, ông H nhận được giấy mời số 102/GM-HĐGPMB (có giấy mời kèm theo) đến trụ sở UBND huyện T để giải quyết vướng mắc về diện tích và giá đền bù. Kết quả là không đồng thuận được vì Hội đồng giải phóng mặt bằng áp đặt giá đền bù năm 2002 với giá 11.200 đồng/m² và trừ diện tích của ông còn 1.424m².

Năm 2010, ông bất ngờ nhận được danh sách chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng dự án 200ha khu công nghệ cao H với số tiền 17.234.649 đồng.

Từ năm 2010 đến năm 2015 ông gửi rất nhiều đơn khiếu nại, tố cáo tới các cơ quan có thẩm quyền từ Trung ương tới địa phương nhưng không được xem xét, giải quyết triệt để.

Ngày 26/10/2011, ông H đến phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T tìm bà Chinh – phó Trưởng phòng (hồi năm 2002 bà là kế toán trưởng dự án 200ha Khu công nghiệp công nghệ cao H) là thành viên Hội đồng GPMB. Ông hỏi tình hình thửa đất của ông giải quyết như thế nào thì được bà đưa cho ông danh sách chi trả tiền đền bù GPMB (không ghi ngày tháng năm) nên ông cho rằng văn bản đó không có hiệu lực pháp luật.

Ngày 27/11/2015, ông nhận được Quyết định số 7827/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T có nội dung: *Chủ tịch UBND huyện T cho rằng ông khiếu nại sai, giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ đã ban hành của tỉnh H cũ và không giải quyết yêu cầu bồi thường theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP. Sau đó ông làm đơn khiếu nại lần hai. Ngày 23/10/2018 ông nhận được Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông có nội dung đồng ý với Quyết định số 7827 ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T.*

Không đồng ý với các Quyết định trên vì thửa đất ông nhận chuyển nhượng là 75.000.000 đồng tương đương 15 cây vàng quy đổi tại thời điểm mua, nay chính quyền áp đặt đền bù 17.234.649 đồng. Cho đến nay ông chưa nhận được quyết định thu hồi đất, phương án đền bù hỗ trợ theo quy định và cũng không có biên bản kiểm đếm.

Do đó, ngày 5/8/2019, ông H khởi kiện đề nghị Tòa án:

- Hủy Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Hủy Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai ;

- Hủy Danh sách chi trả tiền đền bù GPMB dự án 200ha khu CNC H cho bà Hy Thị N (ủy quyền cho ông Nguyễn Khắc H).

- Buộc UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của ông.

*** Chủ tịch UBND thành phố H trình bày:** Giữ nguyên ý kiến đã thể hiện tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018, cụ thể :

Ông Nguyễn Khắc H không nhất trí với Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án 200 ha khu Công nghệ cao H, huyện T, thành phố H.

Theo kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện T (lần đầu):

Ngày 27/11/2015, UBND huyện T có Quyết định số 7827/QĐ- UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Khắc H, có nội dung: “... Ông Nguyễn Khắc H khiếu nại Hội đồng GPMB Dự án 200 ha khu Công nghệ cao H, huyện T không bồi thường 3000m² đất tại Thôn 8, xã T, trong đó có đất ở do ông H nhận chuyển nhượng ; bồi thường cho ông Nguyễn Văn C 16.000.000 đồng tiền cây hoa màu trên đất của ông H; chưa bồi thường cho ông H đã bàn giao đất cho Dự án làm đường và Dự án tàu thủy Vinashin tại Dự án 200 ha khu Công nghệ cao H, là khiếu nại sai.

Giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án 200 ha khu Công nghệ cao H (huyện T) đã được UBND tỉnh H (trước đây) phê duyệt tại Quyết định số 1777/QĐ-UB ngày 27/12/2002.

Không giải quyết việc ông Nguyễn Khắc H yêu cầu bồi thường theo khoản 2, Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính Phủ...”.

Sau khi thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2, qua việc xác minh làm rõ các nội dung khiếu nại, kết quả xác thực nội dung khiếu nại như sau:

Diện tích đất ông Nguyễn Khắc H có khiếu nại thuộc khu vực M, xã T trước đây, nay thuộc địa giới hành chính xã T. Theo Bản đồ thu hồi đất Khu công nghệ cao H đo vẽ năm 1998, tờ bản đồ số 3, khu vực Thôn 8 xã T, có các thửa đất số 14,15,16, 2b diện tích 18.659m² (trong đó có 3.000m² đất ông H khiếu nại), không có hộ dân kê khai. Khu vực này trước đây thuộc Trường bắn của Bộ Quốc phòng, sau này bàn giao cho địa phương quản lý (UBND xã không lưu giữ được hồ sơ bàn giao đất), là đất hoang hóa. Năm 1993-1994, UBND xã T đã giao cho một số hộ để làm nhà và sản xuất, trong đó có hộ ông Bùi Văn T. Ngày 15/11/1994 ông T

chuyển nhượng đất cho bà Hy Thị N, được UBND xã T xác nhận; Tuy nhiên, UBND xã không lưu giữ hồ sơ liên quan đến việc giao đất và xác nhận việc chuyển nhượng đất của các hộ. Ông H là người được bà Hy Thị N ủy quyền nhận tiền bồi thường, hỗ trợ.

Sau khi có quyết định thu hồi đất Dự án đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao H, UBND huyện T đã thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng, Tổ kiểm đếm giúp việc Hội đồng. Diện tích 18.659m² đất (trong đó có 3000m² ông H khiếu nại) thuộc khu vực Thôn 8, xã T bị thu hồi khi thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu Công nghệ cao H, không có người kê khai quyền sử dụng đất. Hội đồng chỉ xác định ông Nguyễn Văn C ở thôn 7 xã T kê khai trồng sắn trên diện tích đất này (không có bản tự kê khai của Ông C). Ngày 27/12/2002 UBND tỉnh H ra Quyết định số 1777/QĐ-UB phê duyệt tiền đền bù đất và tiền đền bù cây sắn 18.659.000 đồng. Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng Huyện T đã chi trả tiền đền bù cây sắn cho ông Nguyễn Văn C, còn tiền đền bù đất do không xác định được người sử dụng đất hợp pháp nên Hội đồng giải phóng mặt bằng Dự án vẫn gửi tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện T từ năm 2002 đến nay.

Ông Nguyễn Khắc H khiếu nại việc bồi thường, hỗ trợ đối với 3.000m² đã nhận chuyển nhượng nhưng trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại, ông H không xuất trình giấy được theo quy định chứng minh đã nhận chuyển nhượng thửa đất 3000m² tại xã T (nay là xã T).

Do đó, khiếu nại của ông về việc bồi thường, hỗ trợ đối với 3.000m² đất nêu trên là không có căn cứ để giải quyết.

Tuy nhiên, theo báo cáo của UBND xã T: năm 1994, UBND xã đã giao đất cho một số hộ dân tại khu vực này, trong đó có hộ ông Bùi Văn T, cuối năm 1994 ông T đã chuyển nhượng cho bà Hy Thị N; tài liệu do ông H cung cấp liên quan đến thửa đất, trong đó bà N ủy quyền cho ông H liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết vấn đề liên quan đến việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thửa đất nêu. Vì vậy, cần phải kiểm tra, xác định nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng 3000m² đất để giải quyết nội dung kiến nghị của ông H đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Và Quyết định giải quyết khiếu nại số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H đã quyết định đồng ý với Quyết định số 7827/QĐ- UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết vụ việc theo đúng quy định của pháp luật.

*** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T cung cấp tài liệu chứng cứ, không có ý kiến trình bày liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H.**

*** Ủy ban nhân dân xã T không cung cấp tài liệu chứng cứ và ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H.**

*** Bà Hy Thị N trình bày :**

Về nguồn gốc đất : Năm 1994, ông Trần Hữu C nhờ bà đứng tên mua thửa đất của ông Bùi Văn T. Thực tế bà là người giao dịch và ký các giấy tờ mua bán phần diện tích này với ông Bùi Văn T còn nguồn tiền mua đất là của ông Trần Hữu C. Sau đó bà đã nộp đầy đủ thuế trước bạ và thuế sử dụng đất 8 năm liền (từ năm 1995 đến năm 2002). Năm 1997, bà và ông C thỏa thuận bán cho ông H với giá 75.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Khắc H thì bà, ông H và ông C có lập Biên bản xác nhận sự kiện này và ông H đã giao tiền cho ông C và ông C đã nhận tiền đầy đủ trước sự chứng kiến của bà và ông H.

Năm 1998, thửa đất nằm trong qui hoạch 200ha khu công nghệ cao H, nên bà và ông H không làm Hợp đồng mua bán được. Bà khẳng định bà không có tranh chấp gì đối với việc chuyển nhượng cho ông H. Kể từ ngày 12/12/2013 khi bán cho ông H thì bà không còn liên quan gì đến diện tích 3000m² đất đã bán cho ông H nữa. Ông H có toàn quyền sử dụng, quyết định đối với diện tích đất này. Hiện nay, bà không còn quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến diện tích đất này nữa. Đề nghị Tòa án không đưa bà vào tham gia tố tụng nữa.

Do điều kiện sức khỏe, đề nghị Tòa án cho bà xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng giải quyết vụ án này tại Tòa án nhân dân các cấp.

*** Ông Nguyễn Văn C không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H.**

Tại phiên tòa: Người khởi kiện ông Nguyễn Khắc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy: Phương án chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho gia đình ông Nguyễn Khắc H; Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai và Hành vi của UBND huyện T về việc không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của ông H là trái pháp luật, đồng thời yêu cầu UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ về đất thu hồi cho ông theo đúng quy định của pháp luật.

Ông H xin rút yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1777/QĐ/UB ngày 27/12/2002 của UBND tỉnh H (nay là Hà Nội) về duyệt phương án đền bù GPMB 200ha khu công nghệ cao H, thuộc địa bàn các xã H, T, xã T, huyện T do xác định đây là Quyết định duyệt phương án đền bù GPMB 200ha mà không phải quyết định hành chính cá biệt.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa:**

+ Về tố tụng: Hoạt động thụ lý và tiến hành tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định; đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng;

+ Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 LTTHC; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H đối với Quyết định số 1777/QĐ/UB ngày 27/12/2002 của UBND tỉnh H (nay là Hà Nội) về duyệt phương án đền bù GPMB 200ha khu công nghệ cao H, thuộc địa bàn các xã H, T, xã T, huyện T.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H về việc hủy Phương án chi trả tiền đền bù giải phóng mặt bằng cho gia đình ông Nguyễn Khắc H, Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai.

- Buộc UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của ông H theo quy định pháp luật.

+ Về án phí: Người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng: Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai và tuyên hành vi hành chính của UBND huyện T về việc không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của ông Nguyễn Khắc H là trái pháp luật . Đây là các quyết định hành chính được ban hành trong lĩnh vực quản lý đất đai và giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính;

Đối với Quyết định số 1777/QĐ/UB ngày 27/12/2002 của UBND tỉnh H (nay là Hà Nội) về duyệt phương án đền bù GPMB 200ha Khu công nghệ cao H, thuộc địa bàn các xã H, T, xã T, huyện T: Xét thấy, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/3/2024 và tại phiên tòa, ông H xin rút yêu cầu khởi kiện này không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử căn

cứ điểm b khoản 1 Điều 143; khoản 2 Điều 165 Luật tổ tụng hành chính để đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của ông H.

Ngày 23/10/2018, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5674/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Khắc H. Ngày 03/9/2019, ông Nguyễn Khắc H gửi Đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án nhân dân thành phố H yêu cầu hủy Quyết định hành chính nêu trên, theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính thì Đơn khởi kiện đảm bảo về thời hiệu khởi kiện để Tòa án thụ lý giải quyết vụ án.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H và bà Hy Thị N có đơn xin giải quyết vắng mặt, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã T, ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã thực hiện việc triệu tập hợp lệ. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về trình tự, thẩm quyền, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính bị kiện:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông Nguyễn Khắc H, Chủ tịch UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 về giải quyết khiếu nại lần đầu. Không đồng ý với nội dung Quyết định trên, ông H khiếu nại gửi Chủ tịch UBND thành phố H. Ngày 23/10/2018, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5674/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần hai là đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại điều 17,18, mục 2, mục 3 Luật Khiếu nại năm 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

[2.1] Xét nội dung các yêu cầu khởi kiện:

[2.1.1] Đối với yêu cầu khởi kiện về việc UBND huyện T không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của ông Nguyễn Khắc H là trái pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nguồn gốc đất: Diện tích 3.000m² đất ông Nguyễn Khắc H khiếu nại thuộc khu vực M, xã T trước đây, nay thuộc địa giới hành chính xã T. Theo Bản đồ thu hồi đất Khu công nghệ cao H đo vẽ năm 1998, tờ bản đồ số 3, khu vực thôn 8 xã T, có các thửa đất số 14, 15,16, 2b tờ bản đồ số 03 diện tích 18.659m² (trong đó có 3.000m² đất ông H khiếu nại), không có hộ dân nào kê khai. Khu vực này trước đây thuộc Trường bắn của Bộ Quốc phòng, sau này bàn giao cho địa phương quản lý (UBND xã không lưu giữ được hồ sơ bàn giao đất), là đất hoang hóa. Năm 1993-1994, UBND xã T đã giao cho một số hộ để làm nhà và sản xuất, trong đó có hộ

ông Bùi Văn T, thể hiện tại Biên bản giao đất làm nhà và sản xuất ngày 10/4/1994 của UBND xã T: giao cho ông Bùi Văn T diện tích 3.000m², có tứ cận: Phía đông giáp đất ông Trí có chiều dài 250m, phía tây giáp đất ông Thái có chiều dài 250m, phía nam giáp mặt nước hồ quán Văn có chiều dài 12m, phía bắc giáp mặt đường KTM có chiều dài 12m.

Ngày 15/11/1994, ông T chuyển nhượng đất cho bà Hy Thị N, được UBND xã T và Ban quản lý ruộng đất xác nhận ngày 15/11/1994. Tại “*Giấy chuyển nhượng quyền sở hữu đất và nhà ở*” ngày 15/11/1994 thể hiện ông Bùi Văn T chuyển nhượng cho bà Hy Thị N và bà N đã nhận đủ tiền, đã bàn giao chìa khóa nhà kể từ ngày 15/11/1994, nhận các giấy tờ liên quan tới mảnh đất gồm: Biên bản giao đất làm nhà và sản xuất; Tờ khai nộp lệ phí trước bạ; Biên lai thu lệ phí trước bạ. Thực chất mảnh đất trên do ông Trần Hữu C nhờ bà Hy Thị N đứng tên giúp để mua thửa đất của ông T. Đến năm 1997, ông C thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Khắc H thửa đất đứng tên bà N nêu trên với giá 75.000.000 đồng và bà N đã bàn giao đầy đủ hồ sơ gốc cho ông H sử dụng (thủ tục sang tên thỏa thuận giải quyết sau), được thể hiện tại các giấy Biên nhận tiền ngày 11/12/1997, ngày 20/01/1998 của ông C; Biên bản cam kết không thay đổi nội dung ủy quyền công chứng ngày 12/12/2003 giữa ông C, bà N và ông H.

Sau khi có quyết định thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu công nghệ cao H, UBND huyện T đã thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng, Tổ kiểm đếm giúp việc Hội đồng. Diện tích đất ông H khiếu nại thuộc khu vực thôn 8, xã T bị thu hồi khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu Công nghệ cao H không có người kê khai quyền sử dụng đất. Hội đồng chỉ xác định ông Nguyễn Văn C ở thôn 7 xã T kê khai trồng sản trên diện tích đất này. Ngày 27/12/2002, UBND tỉnh H ra Quyết định số 1777/QĐ-UB duyệt phương án đền bù GPMB 200ha khu công nghệ cao H, thuộc địa bàn các xã H, T, xã T huyện T và Quyết định số 513-QĐ/UB ngày 24/4/2003 của UBND tỉnh H về việc điều chỉnh Điều 1 của Quyết định số 1777/QĐ-UB. Sau đó, Hội đồng đền bù giải phóng mặt bằng huyện T đã chi trả tiền đền bù cây sản cho Ông C với số tiền 18.659.000 đồng. Đối với khoản tiền đền bù về đất, tại thời điểm năm 2002 do không xác định được người sử dụng đất hợp pháp nên Hội đồng giải phóng mặt bằng thực hiện dự án vẫn gửi tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện T.

Căn cứ các tài liệu ông H cung cấp, lời trình bày của bà N, có căn cứ xác định việc bà N nhận chuyển nhượng từ ông T đã được chính quyền xác nhận, bà N đã nộp thuế trước bạ ngày 17/11/1994 số tiền 200 ngàn đồng (5% của giá trị tài sản là đất tính lệ phí). Đối với thuế sử dụng đất, năm 2003 bà N đã đóng thể hiện tại Phiếu thu ngày 13/3/2003 đóng thuế đất 8 năm (từ 1995 đến 2002). Như vậy, từ năm 1995 đến năm 2002 bà N (ông H) không thực hiện việc đóng thuế hàng năm, đến năm 2003 bà N mới đóng thuế sử dụng đất 8 năm liền.

Tại Giấy ủy quyền ngày 28/3/2003 của bà Hy Thị N, có nội dung bà Hy Thị N ủy quyền cho ông Nguyễn Khắc H, cụ thể: “*đến nhận tiền đền bù mảnh đất mà tôi đứng tên (kèm theo toàn bộ hồ sơ mảnh đất này)*”.

Tại Danh sách chi trả tiền đền bù GPMB dự án 200ha khu CNC H, Hội đồng GPMB lập danh sách thể hiện ở số thứ tự 6: Chủ cũ Bùi Văn T, diện tích được giao 3.000m², chủ mới là Hy Thị N (ủy quyền cho Nguyễn Khắc H), số tiền là 17.234.649đ.

Tại Biên bản đối thoại giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo ngày 25/12/2014, ông H xác nhận “*ông Nguyễn Văn C là người chúng tôi cho mượn đất...*”.

Như vậy, tại thời điểm thu hồi đất năm 2002, UBND xã không lưu giữ được hồ sơ chuyển nhượng đất giữa các hộ; ông H, bà N không có mặt tại địa chỉ thu hồi đất. Do đó, không xác định được chủ thể quản lý, sử dụng đất, chỉ xác định được Ông C là người trồng cây trên đất. Vì vậy tại thời điểm lên Phương án bồi thường hỗ trợ đã không xác định được ai là chủ thể được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ về đất.

Tuy nhiên, đến thời điểm giải quyết khiếu nại, ông H đã cung cấp được các tài liệu thể hiện ông là chủ sử dụng đất (do nhận chuyển nhượng của bà N). Lẽ ra, UBND huyện T phải sửa đổi, bổ sung phương án bồi thường khi đã có căn cứ xác định chính xác chủ sử dụng đất là ông H, nhưng UBND huyện lại không sửa đổi, bổ sung phương án mà chỉ lập danh sách thể hiện ông H là người được bà N ủy quyền nhận tiền bồi thường là còn thiếu sót. Quá trình giải quyết tại Tòa án, bà Hy Thị N tiếp tục khẳng định vào năm 1994, ông Trần Hữu C nhờ bà đứng tên mua thửa đất của ông Bùi Văn T. Thực tế bà là người giao dịch và ký các giấy tờ mua bán phần diện tích này với ông Bùi Văn T còn nguồn tiền mua đất là của ông Trần Hữu C. Sau đó bà đã nộp đầy đủ thuế trước bạ và thuế sử dụng đất 8 năm liền (từ năm 1995 đến năm 2002). Năm 1997, bà và ông C thỏa thuận bán cho ông H với giá 75.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng cho ông Nguyễn Khắc H thì bà, ông H và ông C có lập Biên bản xác nhận sự kiện này và ông H đã giao tiền cho ông C và ông C đã nhận tiền đầy đủ trước sự chứng kiến của bà và ông H. Do vào năm 1998, thửa đất nằm trong qui hoạch 200ha khu công nghệ cao H, nên bà và ông H không làm Hợp đồng mua bán được. Bà khẳng định bà không có tranh chấp gì đối với việc chuyển nhượng 3000m² đất cho ông H. Kể từ ngày 12/12/2013 khi bán cho ông H thì bà không còn liên quan gì đến diện tích 3000m² đất đã bán cho ông H nữa. Ông H có toàn quyền sử dụng, quyết định đối với diện tích đất này.

Đối với phần bồi thường cây cối hoa màu trên đất, UBND huyện T đã đền bù đã chi trả tiền đền bù cây sản cho ông Nguyễn Văn C (là người mượn đất) với số tiền 18.659.000 đồng, tại phiên tòa ông H có ý kiến ông không đề nghị Tòa án giải quyết về nội dung này, ông nhất trí để Ông C được nhận phần đền bù này.

Như vậy, với phân tích nhận định đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét nhất có căn cứ pháp lý để xác định việc UBND huyện T không ban hành Quyết định thu

hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của ông H là trái pháp luật và buộc UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích 3000m² đất đã thu hồi của ông Nguyễn Khắc H theo quy định pháp luật.

**** Xét Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu.***

Tại quyết định giải quyết khiếu nại cho rằng ông Nguyễn Khắc H khiếu nại việc bồi thường, hỗ trợ đối với 3.000m² đất đã nhận chuyển nhượng nhưng trong suốt quá trình giải quyết khiếu nại, ông H không xuất trình được giấy tờ theo quy định để chứng minh đã nhận chuyển nhượng thửa đất 3.000m² tại xã T (nay là xã T) nên đã khẳng định khiếu nại của ông H về việc bồi thường, hỗ trợ đối với 3.000m² đất là không có căn cứ để giải quyết và kết luận khiếu nại của ông H là khiếu nại sai. Cụ thể, tại Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của UBND huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Khắc H, đã kết luận: “*Ông Nguyễn Khắc H khiếu nại Hội đồng GPMB Dự án 200ha khu Công nghệ cao H, huyện T không bồi thường 3.000m² đất tại thôn 8, xã T trong đó có đất ở do ông H nhận chuyển nhượng; bồi thường cho ông Nguyễn Văn C 16.000.000đ tiền cây hoa màu trên đất của ông H; chưa bồi thường cho ông H đã bàn giao đất cho Dự án làm đường và Dự án tàu thủy Vinashin tại Dự án 200ha khu Công nghệ cao H, là khiếu nại sai....*”. Do đó đã quyết định: “*Điều 1. Giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án 200ha khu Công nghệ cao H (huyện T) đã được UBND tỉnh H (trước đây) phê duyệt tại Quyết định số 1777/QĐ-UB ngày 27/12/2002. Không giải quyết việc ông Nguyễn Khắc H yêu cầu bồi thường theo khoản 2 Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP và Nghị định số 69/2009/NĐ-CP của Chính phủ...*”.

Hội đồng xét xử nhận định việc bà N nhận chuyển nhượng đất từ ông T đã được chính quyền xác nhận, đã nộp thuế trước bạ và thuế sử dụng đất liên tục trong 8 năm liền từ năm 1995-2002. Như vậy, bà N đủ điều kiện về chủ thể quản lý sử dụng đất. Sau đó, bà N đã chuyển nhượng cho ông H. Ông H, bà N không có tranh chấp về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, có căn cứ xác định thời điểm thu hồi đất thì ông H là chủ thể quản lý, sử dụng đất để được bồi thường, hỗ trợ về đất. Tại Phương án bồi thường, hỗ trợ năm 2002 đã không xác định ông H là chủ thể được nhận tiền bồi thường hỗ trợ về đất là phù hợp với thực tế năm 2002. Tuy nhiên, đến thời điểm giải quyết khiếu nại đã có đủ căn cứ chứng minh ông H là chủ sử dụng đất sau bà N. Song Chủ tịch UBND huyện T đã không xem xét lại toàn bộ quá trình xác minh nguồn gốc đất, không tiến hành xác minh lại chủ sử dụng đất tại thời điểm bị thu hồi, định giá đất và tài sản trên đất cũng như quy trình bồi thường giải phóng mặt bằng... để có nội dung giải quyết khiếu nại một cách thỏa đáng, khách quan và chính xác, đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H. Do đó, cần hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện T đối với ông H theo quy định của pháp luật.

**** Xét Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai.***

Hội đồng xét xử nhận định: Năm 1994, UBND xã T đã giao đất cho một số hộ dân tại khu vực này, trong đó có hộ ông Bùi Văn T, cuối năm 1994 ông T chuyển nhượng cho bà N; tài liệu do ông H cung cấp liên quan đến thửa đất, trong đó bà N xác nhận đã ủy quyền cho ông H liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết vướng mắc liên quan đến việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất nêu trên, ông H khiếu nại và cung cấp các tài liệu thể hiện ông đã nhận chuyển nhượng 3.000m² đất trên từ bà N, ông C. Do vậy, cần kiểm tra, xác định nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng 3.000m² đất để giải quyết nội dung kiến nghị của ông H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Song tại Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện T đối với ông H là chưa phù hợp. Vì đối với phần diện tích 3.000m² đất ông H khiếu nại chưa được Chủ tịch UBND huyện T làm rõ chủ sử dụng để thực hiện thủ tục bồi thường, hỗ trợ theo chỉ đạo của UBND Thành phố H tại Văn bản số 1371/VP-BTCD ngày 20/02/2017. Hiện nay, khoản tiền bồi thường, hỗ trợ về đất đối với phần diện tích nêu trên vẫn đang được tạm giữ tại Kho bạc nhà nước huyện T.

Như vậy, từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H. Do vậy, căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H. Cụ thể, chấp nhận các yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai. Buộc UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của ông H theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí: Chủ tịch UBND thành phố H, Chủ tịch và UBND huyện T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H đối với Quyết định số 1777/QĐ/UB ngày 27/12/2002 của UBND tỉnh H (nay là Hà Nội) về duyệt phương án đền bù GPMB 200ha khu công nghệ cao H, thuộc địa bàn các xã H, T, xã T, huyện T.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc H, cụ thể:

- Tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện T không ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của ông Nguyễn Khắc H là không đúng pháp luật;

- Hủy Quyết định số 7827/QĐ-UBND ngày 27/11/2015 của Chủ tịch UBND huyện T về giải quyết khiếu nại lần đầu;

- Hủy Quyết định số 5674/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố H về giải quyết khiếu nại lần hai;

- Buộc UBND huyện T ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi của ông Nguyễn Khắc H theo quy định của pháp luật và phù hợp với phần nhận định của bản án liên quan đến yêu cầu của người khởi kiện.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Chủ tịch UBND thành phố H phải chịu 300.000 đồng án phí.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu 300.000 đồng án phí.

- Ủy ban nhân dân huyện T phải chịu 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Khắc H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã T, bà Hy Thị N, ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Lam